ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1239/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 29 tháng 5 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh và giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2007 cho huyện Tân Sơn và Thanh Sơn

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 61/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Thanh Sơn để thành lập huyện Tân Sơn;

Căn cứ Nghị định 3410/QĐ-UB ngày 08/12/2006; Quyết định số 3411/QĐ-UB ngày 08/12/2006 của UBND tỉnh về một số chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2007; Quyết định số 3412/QĐ-UB ngày 08/12/2006 tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2007;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2007 của UBND huyện Thanh Sơn tại Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh cho UBND huyện Tân Sơn và UBND huyện Thanh Sơn như phụ biểu kèm theo quyết định này.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Thanh Sơn, Chủ tịch UBND lâm thời huyện Tân Sơn căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch năm 2007 được giao tiến hành phân bổ, giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2007.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND lâm thời huyện Tân Sơn, huyện Thanh Sơn; các ngành, cơ quan và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh

KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 2007
CỦA: HUYỆN TÂN SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 29/5/2007
của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
I	**Chỉ tiêu pháp lệnh**			
1	**Thu, chi ngân sách**			
-	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Tr.đồng	920	
-	Ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	"	738	
-	Bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện	"	29.962	
-	Tổng chi ngân sách huyện	"	30.700	
2	**Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo**	**%**	**9,55**	
3	**Gọi thanh niên nhập ngũ**	**Người**	**-**	**Có Quyết định riêng**
4	**Quỹ huy động phòng chống thiên tai**	**Tr.đồng**	**53**	
	Trong đó: + Tỉnh huy động	"	29.8	
5	**Số buổi chiếu phim nhựa phục vụ miền núi**	**Buổi**	**177**	
6	**Biên chế hành chính sự nghiệp**	**Người**	**958**	
-	Biên chế hành chính	"	42	
	Trong đó: + Công chức dự bị	"	02	
-	Biên chế sự nghiệp	"	916	
	+ Sự nghiệp văn hoá	"	07	
	+ Trạm khuyến nông	"	03	
	+ Sự nghiệp giáo dục	"	894	
	+ Y tế vùng cao	"	12	
7	Đầu tư phát triển	Tr.đồng		
(1)	**Nguồn thu tiền sử dụng đất huyện, cấp xã được hưởng**	**Tr.đồng**	**520**	
(2)	**Nguồn vốn các chương trình mục tiêu**			
*	**Dự án quy hoạch bố trí lại dân cư**	**Tr.đồng**	**174**	
-	Quy hoạch bố trí lại dân cư (36 hộ)	"	74	CDA: UBND huyện Tân Sơn
-	Xây dựng dự án bố trí lại dân cư xã Đồng Sơn	"	100	CDA: UBND huyện Tân Sơn
*	**Chương trình 135**	**Tr. đồng**		
-	Dự án xâydựng cơ sở hạ tầng	"		
	+ Vốn bổ sung CT 135 năm 2006	"	1.360	
	+ Chương trình 135 năm 2007	"	7.948	
-	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất			
	+ Vốn bổ sung năm 2006	Tr.đồng	1.320	
	+ Vốn năm 2007	"	1.088	
-	Chương trình TTCXMN năm 2006	"	1.850	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
*	**Chương trình 134**			
	Hỗ trợ nhà ở	Tr.đồng	4.055	
	Nước sạch	"	8.040	
	Trong đó: Vốn bổ sung năm 2007	"	5.200	
*	Kinh phí xây dựng trụ sở UBND xã	"	1.000	
*	Trợ giá, trợ cước hàng hoá phục vụ miền núi			Có Quyết định sau
(3)	**Bổ sung có MT từ NSTW hỗ trợ địa phương**	**Tr.đồng**	**75**	**CDA: UBND huyện Tân Sơn**
	Khuyến khích thành lập hợp tác xã	"	5	KHNN năm 2007 huyện Tân Sơn
	Bồi dưỡng đào tạo cán bộ hợp tác xã	"	5	
	Ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ	"	5	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống	"	60	
III	**Chỉ tiêu hướng dẫn**			
1	**Giá trị SX công nghiệp ngoiài QD (giá 94)**	**Tỷ đồng**	**34**	
2	**GTSX nông lâm nghiệp, thuỷ sản (giá 94)**	**Tỷ đồng**	**195**	
	Trồng trọt, dịch vụ nông nghiệp	"	86	
	Chăn nuôi	"	55	
	Thuỷ sản	"	3,0	
	Lâm nghiệp	"	51	
3	**Sản lượng lương thực cây có hạt**	**Tấn**	**26.130**	
	Trong đó: Thóc	"	22.660	
4	**Thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích đất canh tác**	**Tr.đồng/ ha**	**19,7**	
5	**Trồng trọt**			
*	**Cây lúa**			
	Diện tích	Ha	4.800	
	Trong đó: Diện tích lúa lai	Ha	1.650	
	Năng suất	Tạ/ha	47,2	
	Sản lượng	Tấn	22.660	
*	**Cây ngô**			
	Diện tích	Ha	1.170	
	Trong đó: Ngô đông	"	730	
	Năng suất	Tạ/ha	29,6	
	Sản lượng	Tấn	3.470	
*	**Cây chè**			
	Diện tích	Ha	1.695	
	Diện tích trồng mới	"	50	
	Diện tích cho sản phẩm	"	1.380	
	Năng suất chè búp tươi	Tạ/ha	67,5	
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	9.320	
6	**Chăn nuôi**			
	Tổng đàn trâu	Con	13.400	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
	Tổng đàn bò	Con	10.520	
	Trong đó: Bò lai Sind	"	485	
	Tổng đàn lợn	"	43.700	
	Tổng đàn gia cầm	Nghìn con	434	
7	**Thuỷ sản**			
	Diện tích nuôi trồng thuỷ sản	Ha	170	
	Sản lượng thuỷ sản khai thác	Tấn	270	
	Trong đó: Nuôi trồng	"	150	
8	**Lâm nghiệp**			
	Diện tích trồng mới rừng tập trung	Ha	900	
	Trong đó: Chương trình 5 triệu ha rừng	"	440	
	Chăm sóc rừng trồng N2 - N4	Ha	3.190	
	Bảo vệ rừng	"	15.152	
	Trồng cây phân tán	Nghìn cây	100	
9	**Số hộ thoát nghèo**	**Hộ**	**1.284**	
10	**Mức giảm tỷ lệ suất sinh**	**%**	**0,52**	
11	**Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng**	**%**	**3,0**	
12	**Xuất khẩu lao động**	**%**	**260**	
III	**Chỉ tiêu thông báo**			
*	**Vốn HTMT từ NSTW**			
	Vườn quốc gia Xuân Sơn	Tr.đồng	2.000	CĐT: Vườn QG Xuân Sơn
*	**Chương trình giáo dục đào tạo**			
	Trường THPT Minh Đài	Tr.đồng	400	CĐT: Trường THPT Minh Đài
	Trường THPT Thạch Kiệt	"	300	CĐT: Trường THPT Thạch Kiệt
	Trường THCS Thạch Kiệt	"	200	CĐT: UBND xã Thạch Kiệt
*	**Chương trình NS và VSMT nông thôn**			
	Dự án nước sạch xã Kim Thượng	Tr.đồng	14	CĐT: TT NSH &VSMT
	Dự án nước sạch xã Thu Cúc	"	60	-nt-
*	**CT phủ sóng phát thanh truyền hình**			
	Trạm phát lại TH và phát tiếng Mường	Tr.đồng	500	CĐT: Đài PTTH tỉnh

KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 2007
CỦA: HUYỆN THANH SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
I	**Chỉ tiêu pháp lệnh**			
1	**Thu, chi ngân sách**			
-	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Tr.đồng	6.555	
-	Ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	"	5.961	
-	Bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện	"	93.737	
-	Tổng chi ngân sách huyện	"	100.798	
2	**Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo**	**%**	**7,6**	
3	**Gọi thanh niên nhập ngũ**	**Người**	**-**	**Có Quyết định riêng**
4	**Quỹ huy động phòng chống thiên tai**	**Tr.đồng**	**90**	
	Trong đó: + Tỉnh huy động	"	50,6	
5	**Số buổi chiếu phim nhựa phục vụ miền núi**	**Buổi**	**204**	
6	**Biên chế hành chính sự nghiệp**	**Người**	**1.735**	
-	Biên chế hành chính	"	62	
	Trong đó: + Công chức dự bị	"	03	
	+ Hợp đồng theo NĐ 68	"	02	
-	Biên chế sự nghiệp	"	1.673	
	+ Sự nghiệp văn hoá	"	08	
	+ Hội chữ thập đỏ	"	01	
	+ Trạm khuyến nông	"	02	
	+ Sự nghiệp giáo dục	"	1.654	
	+ Y tế vùng cao	"	8	
7	**Đầu tư phát triển**			
(1)	**Nguồn thu tiền sử dụng đất huyện, cấp xã được hưởng**	**Tr.đồng**	**990**	
(2)	**Vốn đối ứng (NSTT)**	**Tr.đồng**	**1.640**	
	Hệ thống nước sạch thị trấn Thanh Sơn	"	800	
	Dự án điện khí hoá thôn bản vùng sâu T. Sơn	"	140	
	Đường Văn Miếu - Thượng Cửu	"	700	CĐT: UBND huyện Thanh Sơn
(3)	**Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW**	**Tr.đồng**		
	Đầu tư theo NQ 37	"	5.000	
	Đường Văn Miếu - Vinh Tiền	"	5.000	CĐT: UBND huyện Thanh Sơn
	Hỗ trợ đầu tư theo chương trình 229 (ATK)	"	10.000	CĐT: UBND huyện Thanh Sơn
	HT chợ nông sản: Chợ thị trấn Thanh Sơn	"	400	CĐT: UBND huyện Thanh Sơn
(4)	**Nguồn vốn các chương trình mục tiêu**			
*	Chương trình 135	Tr.đồng	8.521	
	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng	Tr.đồng	5.400	
	+ Vốn bổ sung CT 135 năm 2006	Tr.đồng	2.040	
	+ Chương trình 135 năm 2007	"	3.360	
-	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất	Tr.đồng	1.420	
	+ Vốn bổ sung năm 2006	Tr.đồng	720	
	+ Vốn năm 2007	"	700	
-	Chương trình TTCXMN năm 2006	"	1.701	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
*	**Chương trình 134**	**Tr.đồng**	**11.611**	
	Hỗ trợ nhà ở	"	4.020	
	Nước sạch	"	7.591	
	Trong đó: Vốn bổ sung năm 2007	"	4.450	
*	**Kinh phí xây dựng trụ sở UBND xã**	**"**	**500**	
*	**Trợ giá, trợ cước hàng hoá phục vụ miền núi**			**Có Quyết định giao sau**
(5)	**Bổ sung có MT từ NSTW hỗ trợ địa phương**	**Tr.đồng**	**100**	**CDA: UBND huyện Thanh Sơn**
	Khuyến khích thành lập hợp tác xã	"	8	
	Bồi dưỡng đào tạo cán bộ hợp tác xã	"	5	
	Ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ	"	7	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống	"	80	
II	**Chỉ tiêu hướng dẫn**			
1	**Giá trị SX công nghiệp ngoài QD (giá 94)**	**Tỷ đồng**	**41**	
2	**GTSX nông lâm nghiệp, thuỷ sản (giá 94)**	**Tỷ đồng**	**236**	
	Trồng trọt, dịch vụ nông nghiệp	"	104	
	Chăn nuôi	"	66	
	Thuỷ sản	"	4,0	
	Lâm nghiệp	"	62	
3	**Sản lượng lương thực cây có hạt**	**Tấn**	**31.800**	
	Trong đó: Thóc	**"**	**27.600**	
4	**Thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích đất canh tác**	**Tr.đồng/ ha**	**20,5**	
5	**Trồng trọt**			
*	**Cây lúa**			
	Diện tích	Ha	5.900	
	Trong đó: Diện tích lúa lai	Ha	2.000	
	Năng suất	Tạ/ha	47	
	Sản lượng	Tấn	27.600	
*	**Cây ngô**			
	Diện tích	Ha	1.430	
	Trong đó: Ngô đông	"	1.000	
	Năng suất	Tạ/ha	29,3	
	Sản lượng	Tấn	4.200	
*	**Cây chè**			
	Diện tích	Ha	2.300	
	Diện tích trồng mới	"	110	
	Diện tích cho sản phẩm	"	2.200	
	Năng suất chè búp tươi	Tạ/ha	73	
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	16.100	
6	**Chăn nuôi**			
	Tổng đàn trâu	Con	16.800	
	Tổng đàn bò	Con	13.200	
	Trong đó: Bò lai Sind	"	600	
	Tổng đàn lợn	"	53.300	
	Tổng đàn gia cầm	Nghìn con	506	
7	**Thuỷ sản**			
	Diện tích nuôi trồng thuỷ sản	Ha	230	
	Sản lượng thuỷ sản khai thác	Tấn	330	
	Trong đó: Nuôi trồng	"	250	
8	**Lâm nghiệp**			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
	Diện tích trồng mới rừng tập trung	Ha	1.050	
	Trong đó: Chương trình 5 triệu ha rừng	"	500	
	Chăm sóc rừng trồng N2 - N4	Ha	4.000	
	Bảo vệ rừng	"	19.100	
	Trồng cây phân tán	Nghìn cây	150	
9	**Số hộ thoát nghèo**	**Hộ**	**1.265**	
10	**Mức giảm tỷ lệ suất sinh**	**%**	**0,52**	
11	**Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng**	**%**	**3,0**	
12	**Xuất khẩu lao động**	**%**	**340**	
III	**Chỉ tiêu thông báo**			
*	**Vốn HTMT từ NSTW (Hạ tầng chậm lũ)**			
	Đường 317 (Đoan Hùng - Hoàng Xá - Thắng Sơn)	Tr.đồng	7.000	CĐT: Ban QLDACTXDNN&PTNT
	Đường Thị trấn Thanh Sơn - Bến Ngọc	"	63.000	nt
	Đường Thượng Nông - Xuân Lộc - Thạch Đồng - Đào Xá - Giáp Lai	"	7.000	nt
*	**Chương trình y tế**			
	Hỗ trợ y tế tuyến huyện (Trung tâm y tế Thanh Sơn, Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn)	Tr.đồng	5.000	
*	**Chương trình văn hoá thông tin**			
	NVH xóm Xèn, xã Hương Cần	"	500	CĐT: Sở VHTT
*	**Chương trình giáo dục đào tạo**			
	Trường dân tộc nội trú Thanh Sơn	Tr.đồng	500	CĐT: Trường DTNTThanh Sơn
	Trường THPT Văn Miếu	"	400	CĐT: Trường THPT Văn Miếu
	Trường THPT Hương Cần	"	500	CĐT: Trường THPT Hương Cần
	Tr.T giáo dục thường xuyên Thanh Sơn	"	600	CĐT: TT GDTX Thanh Sơn
	Trường THCS Thanh Sơn	"	300	CĐT: Trường THPT Thanh Sơn
	Trường THCS Thục Luyện	"	200	CĐT: UBND xã Thục Luyện
	Trường THCS Hương Cần	"	300	UBND xã Hương Cần
*	**Chương trình NS và VSMT nông thôn**			
	Dự án nước sạch Võ Miếu	Tr.đồng	550	CĐT: TT NSH &VSMT